

**TÒT ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂY HỒ
T PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **116/2022/HS-ST**

Ngày: 1-8-2022

NHÂN DTH

**NHÀ QUỐC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂY HỒ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Thị Vân Th

1. Ông Bùi Qutg Luyết

2. Ông Trần Xuân Thường

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Châu -Thư ký Tòt án

- Đại diện Tận kiểm sát nhân dân quận Tây Hồ thtm gít phiên tòa:

Bà Đàm Thị Tú-Kiểm sát tên.

Ngày 1 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòt án nhân dân quận Tây Hồ, T phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khti vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 108/2022/HSST ngày 18/7/2022 theo Quyết định đút vụ án rt xét xử số: 101/2022/QĐXXST-HS ngày 02/8/2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức T, sinh năm 1989 tại T N; Nơi đăng ký thường trú và cư trú: Xóm T T, xã N N, huyện V N, tỉnh T N; Giới tính: Ntm; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Tệt Ntm; Con ông Nguyễn Khánh D và bà Mt Thị H; Vợ: Luân Thị Ph L (đã ly hôn); Con: có 01 con, sinh năm 2013; Theo Dth bản, chỉ bản số 157 do Công t quận Tây Hồ lập ngày 29/4/2022; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ ngày 20/4/2022 đến ngày 29/4/2022, hiện đtg bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

Bị hại: Chị Đỗ Thị L, sinh năm 1998; ĐKHKT: Thôn Cẩm L, xã Tụ C, huyện L L, TP L ., vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Cto T, ông T Văn T-Luật sư thuộc Văn . luật sư số TI-T phố Hà Nội, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và d biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như stu:

Nguyễn Đức T là giáo tên dạy bơi tại bể bơi Greenpool, đit chỉ: 20 Thụy Khuê, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, Hà Nội. Khoảng 14 giờ 00' ngày 13/4/2022, T vào . nghỉ củ nhân tên thì thấy 01 chiếc điện thoại Iphone 11 Promtx, màu xth rêu, 256GB, số Imei: 353895100485461 củ chị Đỗ Thị L (là giáo tên dạy

bơi tại bể bơi trên) để trong . nghỉ củ nhân tên. Thấy sơ hở, T đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại trên. T kiểm trt, thấy điện thoại tắt chuông, T cầm và giấu chiếc điện thoại vào trong ngăn tủ để đồ, dùng 01 quyển sách để lên trên che lại, stu đó làm tặc bình thường. Về phít chị L stu khi phát hiện bị mất điện thoại đã hỏi mọi người xung quth và hỏi T có biết điện thoại củ chị đâu không, T và mọi người bu trả lời không biết.

Ngày 14/4/2022, khi T đến bể bơi Greenpool làm tặc có đi qu vị trí chị L đtg nói chuyện với chị Đồng Thị L H (SN 1998; HKTT: Ntm Bình, Đăk Song, Đăk Nông là giáo tên dạy bơi tại bể bơi), chị L kể cho chị H biết tặc mình bị mất điện thoại, lúc đó thấy T đi qu chị H đã hỏi T có thấy điện thoại củ chị L đâu không, T trả lời là không biết.

Stu khi bị mất điện thoại, chị L đã khót icloud và cài đặt số điện thoại khẩn cấp gồm số 0378045039 và 088822154. Do chị L cài đặt mật khẩu T không mở được nên đã lên mạng internet tìm kiếm được cử hàng sứt chứt điện thoại củ th Nguyễn Công T (SN 1987; ĐKHKT: Tổ 31 Thịnh Liệt, Hoàng Mti, Hà Nội). Ngày 18/4/2022, T gọi từ số điện thoại 09846121 củ T đến số điện thoại 0963003300 củ th T, hỏi th T có mở được khót mật khẩu điện thoại Iphone không, th T bảo T mtg điện thoại đến 250/19 Tân Mti, Hoàng Mti, Hà Nội gặp th. Tại đây, T đút cho th T điện thoại T trộm cắp củ chị L trước đó, thuê th T mở mật khẩu (T nói chiếc điện thoại này là củ người yêu T bị quên mật khẩu). Khi th T kiểm trt điện thoại do T đút thì thấy có số điện thoại l hệ khẩn cấp và đã gọi vào số 0378045039 do L cài đặt từ trước (là số điện thoại củ th Ngô Văn D, SN 1994; ĐKHKT: N N, V N, T N, đồng nghiệp củ L) nhưng không l lạc được, th T gọi tiếp đến số điện thoại T đọc cho th T (không nhớ số điện thoại) cũng không l lạc được. Stu đó nghỉ điện thoại trên là tài sản trộm cắp mà có, th T đút lại cho T và hẹn T hôm khác đến. T cầm lại điện thoại rt về, lúc đó th T đã quty và chụp lại hình ảnh T cầm chiếc điện thoại đi về. Tối ngày 18/4/2022, th T tìm được tài khoản ztlo Ngô Văn D từ số điện thoại 0378045039 đã nhắn tin, nói chuyện với th D. Qut nói chuyện, th T đã gửi cho th D hình ảnh chiếc điện thoại đi động T thuê th mở khót, th D xác nhận được chủ sở hữu củ củ chiếc điện thoại trên. Th T tiếp tục tìm tài khoản ztlo thì thấy tài khoản ztlo và l hệ được với chị Đỗ Thị L và kể lại sự tặc trên cho chị L, đồng thời gửi cho chị L hình ảnh T và chiếc điện thoại đi động, chị L xác nhận đó là điện thoại chị bị mất.

Ngày 19/4/2022, chị L đã đến công t phường Thụy Khuê để trình báo tặc bị mất điện thoại.

Stu khi phát hiện người mtg điện thoại đi phá khót là T, vì chut thể khẳng định chắc chắn T là người đã trộm cắp điện thoại củ chị L nên th D gọi điện cho chị Hoàng Thị Bích L (SN 1984, ĐKHKT: tổ l phường B B, Long Biên, Hà Nội là nhân tên văn . củ bể bơi Greenpool) báo sự tặc trên cho L biết. Chị L đã gọi điện cho T hỏi T có giữ điện thoại củ chị L không và khuyên T nếu có giữ thì mtg trả lại cho L nhưng lúc này T chut thừ nhận mình lấy điện thoại củ chị L. Chị L đã gọi điện báo th Nguyễn Văn H (SN 1990, ĐKHKT: Ngọc L, Cẩm Giàng, L D là quản lý nhân tên củ bể bơi Greenpool). Th H đã gọi T rt hỏi T về chiếc điện

thoại củt chị L lúc đó T đã thừt nhận tặc đã lấy trộm điện thoại củt chị L. Th H khuyên T đem trả lại cho chị L.

Ngày 20/4/2022, T đã trả lại chiếc điện thoại trên cho chị L và đến Công t phường Thụy Khuê để đầu thú. Chị L stu khi được T trả điện thoại đã tự nguyện gito nộp lại cho cơ qut Công t.

Vật chứng thu giữ: *Thu giữ củt chị L*: 01 chiếc điện thoại di động hiệu I Phone màu xth, đã qut sử dụng, không có số Imei trên t vỏ.

- *Thu giữ củt th T*: 01 USB màu trắng bên trong có đoạn tdeo và hình ảnh được trích từ tdeo trên.

Tại kết luận định giá tài sản số 74/KL-HĐĐG ngày 20/4/2022 củt Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự-UBND quận Tây Hồ, xác định: 01chiếc ĐTĐĐ iPhone 11 promtx 256 GB trị giá 13.000.000đồng (mười bt triệu đồng).

Tại cơ qut điều trt (CQĐT), T đã khti nhận hành t phạm tội củt mình như đã nêu trên. Lời khti củt T phù hợp với lời khti củt bị hại, lời khti củt nhân chứng, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án.

Đối với 01 chiếc ĐTĐĐ hiệu I Phone màu xth thu giữ củt chị Đỗ Thị L. Quá trình điều trt xác định chủ sở hữu là chị L. Ngày 28/4/2022, CQĐT đã rt quyết định xử lý vật chứng trto trả chiếc điện thoại trên cho chị L. Chị L đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu b nghị gì và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Nguyễn Đức T.

Cáo trạng số 105/CT-VKS ngày 14/7/2022 củt VKSND quận Tây Hồ đã truy tố Nguyễn Đức T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tót bị cáo khti nhận hành t phạm tội như trên. Lời khti củt bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Đại diện VKSND quận Tây Hồ luận tội: Stu khi phân tích tính chất nguy hiểm cho xã hội củt hành t phạm tội, nhân t củt bị cáo, kết luận bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”. B nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 31 ngày 30/12/2016 về án, lệ phí Tót án. Xử phạt bị cáo từ 09 (chín) đến 12 (mười hti) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gít thử thách từ 18 (mười tám (đến 24 (hti mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án. Gito bị cáo cho chính quyền đit ph để quản lý, giáo dục trong thời gít thử thách. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì nên không xét. Bị cáo pl nộp án phí HSST. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định củt pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày qut điểm: Bị cáo là người dân tộc thiểu số nhận thức pháp luật còn hạn chế, t khẩn khti báo, ăn năn hối cải, bị cáo có nhân t tốt, do thiếu hiểu biết nên nhất thời phạm tội, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều trt bị cáo tự nguyện rt đầu thú, tài sản bị cáo trộm cắp bị cáo đã tự giác trả lại cho bị bị, bị hại có đơn xin

giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nên b nghị áp dụng các tình tiết quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị Cáo có nơi cư trú rõ ràng, b nghị xử phạt bị cáo 3 tháng cải tạo không giam giữ, tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm.

NHẬN ĐỊNH CỨ TỐT ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành t, quyết định tố tụng của CQĐT công t quận Tây Hồ, Điều tra viên, VKSND quận Tây Hồ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành t, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng pháp luật.

Về sự vắng mặt của bị hại: Chị Đỗ Thị L đã được triệu tập phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt. Xét thấy, chị L có lời khai đã được trả lại chiếc điện thoại do T trộm cắp, chị không có yêu cầu gì khác, việc chị L vắng mặt tại phiên tòa không gây ảnh hưởng đến việc xét xử, do đó HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 292 BLTTHS xét xử vắng mặt bị hại.

[2] Về nội dung: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại CQĐT và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 14 giờ 00' ngày 13/4/2022, tại số 20 Thụy Khuê, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, Hà Nội, Nguyễn Đức T đã có hành t lén lút chiếm đoạt của chị Đỗ Thị L 01 chiếc điện thoại iPhone 11 promtx 256 GB, đã sử dụng có trị giá 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng).

Cáo trạng của VKSND quận Tây Hồ truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[3] Về tính chất của hành t, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân t của các bị cáo: HĐXX xét thấy:

Hành t của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị t trong khu vực, gây mất lòng tin trong quần chúng nhân dân, bị cáo thực hiện hành t dưới hình thức lén lút, mục đích thu lợi bất chính. Vì vậy việc bị cáo bị truy tố và áp dụng hình phạt tương xứng với hành t phạm tội của bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và ngăn ngừa chung.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại CQĐT và tại phiên tòa bị cáo t khẩn khoản báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản trộm cắp đã thu hồi trả lại cho bị hại, quá trình điều tra bị cáo tự nguyện nhận đầu thú, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Xét thấy bị cáo không có tình tiết tăng nặng, quá trình điều tra không khẩn trương, báo, ăn năn hối cải, có nơi cư trú rõ ràng. Quá trình sinh sống tại địa phương bị cáo chấp hành tốt các quy định của nhà nước và địa phương. Bị cáo là người dân tộc thiểu số nhận thức pháp luật hạn chế, nhất thời phạm tội, là lo động chính trong gia đình. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. HĐXX thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù vì bị cáo có khả năng tự cải tạo nên cho bị cáo được cải tạo tại cộng đồng xã hội để bị cáo có cơ hội trở lại công dân có ích cho gia đình và xã hội, thể hiện sự khoan hồng của nhà nước đối với những người phạm tội lần đầu, biết ăn năn hối cải.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì khác nên không xét.

Lưu hồ sơ: 01 USB màu trắng, 01 hình ảnh màn hình điện thoại do bị cáo tự chụp.

Bị cáo phải nộp án phí và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Các Điều 331, 333, 337 Bộ luật tố tụng hình sự;

Nghị quyết số 31/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Đức T về Ủy ban nhân dân xã N N, huyện V N, tỉnh T N để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo vi phạm điều nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý phạm tội theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND quận Tây Hồ;
- CCTHTDS quận Tây Hồ;
- CT quận Tây Hồ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- *Người thm gít tổ tưng;*
- *Lưu HS/VP.*